

Số: 81 /QĐ-STP

Đồng Nai, ngày 23 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách ngân nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-STP ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Sở Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc (Đính kèm Biểu số 3: Đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách toàn ngành năm 2019).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Giám đốc, các Phó GD Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu: VT, VP.
- (Nga- KTV)



Võ Thị Xuân Đào

Đơn vị: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai
Chương: 414

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 81 /QĐ-STP ngày 23 tháng 4 năm 2020)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Tư pháp công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2019 của Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc như sau:

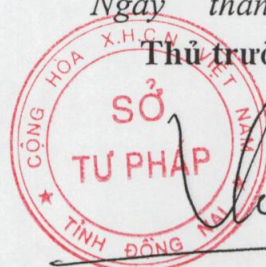
ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Thực hiện năm | Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|---|------------------|------------------|---------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | | | | |
| I | Số thu phí, lệ phí, thù lao dịch vụ | 18.000,00 | 24.350,17 | 135,28% | |
| 1 | Lệ phí | 40,00 | 15,70 | 39,25% | |
| - | Lệ phí quốc tịch (nhập quốc tịch, trở lại, thôi QTVN...) | | 9,00 | | |
| - | Lệ phí cấp thẻ Công chứng viên (cấp mới, cấp lại thẻ CCV...) | | 6,70 | | |
| 2 | Phí | 17.360,00 | 23.195,82 | 133,62% | |
| - | Phí sử dụng thông tin (Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp; Phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam; Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch...) | 2.760,00 | 4.517,14 | | |
| - | Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp | | 45,00 | | |
| - | Phí công chứng, chứng thực... | 14.000,00 | 18.633,68 | | |
| 3 | Thù lao dịch vụ đấu giá | 600,00 | 1.138,65 | | |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 13.430,00 | 7.253,94 | 54,01% | |
| 1 | Chi sự nghiệp | 11.100,00 | 4.283,64 | 38,59% | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 11.100,00 | 4.283,64 | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |

| | | | | | |
|-----|---|-----------|-----------|---------|--|
| 2 | Chi quản lý hành chính | 2.330,00 | 2.970,30 | 127,48% | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 2.330,00 | 2.970,30 | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước | 3.970,00 | 5.358,65 | 134,98% | |
| I | Lệ phí | 40,00 | 15,70 | 39,25% | |
| - | Lệ phí quốc tịch (nhập quốc tịch, trở lại, thôi QTVN...) | | 9,00 | | |
| - | Lệ phí cấp thẻ Công chứng viên (cấp mới, cấp lại thẻ CCV...) | | 6,70 | | |
| 2 | Phí | 3.930,00 | 5.342,95 | 135,95% | |
| - | Phí sử dụng thông tin (Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp; Phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam; Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch...) | 430,00 | 680,03 | | |
| - | Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp | | 4,50 | | |
| - | Phí công chứng | 3.500,00 | 4.658,42 | | |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 16.777,00 | 16.157,81 | 96,31% | |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 16.777,00 | 16.157,81 | 96,31% | |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 11.639,00 | 11.130,46 | 95,63% | |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 5.337,00 | 5.504,89 | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 6.302,00 | 5.625,57 | | |
| 2 | Chi sự nghiệp khác | 5.138,00 | 5.027,35 | 97,85% | |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 3.888,00 | 3.984,73 | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 1.250,00 | 1.042,62 | | |
| II | Nguồn vốn viện trợ | | | | |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài | | | | |

Ngày tháng năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Võ Thị Xuân Đào